

Bản án số: 14 /2024/ DS-ST.

Ngày: 28/ 02/ 2024.

“*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Khải

Bà Nguyễn Thị Thìn

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M - tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 29/2022/TLST- DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp thừa kế tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST-DS ngày 02/01/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/ QĐST – DS ngày 30/01/2024 giữa:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1953

Địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H.

* ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Tuấn Th, sinh năm: 1949

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1950

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1975

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1975

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Nguyễn Tuấn Th, sinh năm: 1956

- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1969

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Nh, thị xã M, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1992

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1995

- Ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1963

Đều có địa chỉ: Hẻm 70, tổ 5, khu phố 2, phường Ph, thành phố B, tỉnh B.

- UBND phường B

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thu H – Chủ tịch UBND phường

***Người làm chứng:** Chị Hoàng Thị Th – Sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H.

(Tại phiên toà ông X và ông Th có mặt, các đương sự khác đều vắng mặt)

NHẬN THẤY

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Cụ Nguyễn Văn C và cụ Vũ Thị L sinh được 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị D (đã chết năm 1982), ông Nguyễn Tuấn Th, ông Nguyễn Tuấn Th và ông Nguyễn Văn X.

Bà Nguyễn Thị D có chồng là Nguyễn Văn T (đã chết năm 2000) có 03 con là: Chị Nguyễn Thị Tâm (Đã chết năm 1999, chồng là Nguyễn Văn U và con trai Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Văn N), chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Th.

Quá trình chung sống cụ C và cụ L có 01 thửa đất cha ông để lại số 147, tờ bản đồ 17 diện tích 360m² tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H trên đất có nhà cấp 4 do ông Nguyễn Tuấn Th và vợ là Nguyễn Thị Th đang quản lý sử dụng. Cụ C và cụ L còn tạo lập được thửa số 144, tờ bản đồ 17, diện tích 300m² tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H do anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th đang quản lý sử dụng, 02 thửa đất đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1969 cụ C chết không để lại di chúc; Khi các con trưởng thành và sống riêng thì vợ chồng ông Th ở cùng cụ L. Cụ L chết năm 1996 không có di chúc. Năm 2003 ông Th tự ý cho con xây dựng nhà trên đất không được sự đồng ý của các hàng thừa kế. Ông đã gửi đơn khởi kiện ra UBND phường B. Tại UBND phường ông Th và anh Th đồng ý trả ông X 50m² trong thửa đất số 144 nhưng sau đó lại thay đổi không nhất trí. Nay ông khởi kiện chia thừa kế di sản bố mẹ để lại theo qui định của pháp luật. Ngôi nhà cấp 4, bếp, công trình phụ trên đất ông tự nguyện không yêu cầu chia thừa kế.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn Th và bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ông nhất trí quan hệ gia đình như ông X trình bày. Năm 1969 cụ C chết không có di chúc; cụ L chết năm 1996 không có di chúc. Ông bà sống cùng bố mẹ trên thửa đất 147, ông bà sửa lại mái nhà cấp 4 làm lại sân bê tông, đào giếng khơi. Ngôi nhà cấp 4 vẫn còn không ai sử dụng, công trình phụ đã bị cháy; giếng khơi đã lấp. Ông bà đã xây 01 ngôi nhà 02 tầng công trình phụ khép kín trên đất, tổng diện tích xây dựng là 150m². Năm 2014 vợ chồng ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với thửa đất 144 có nguồn gốc của cụ C và cụ L tặng cho ông bà, nhưng không có văn bản, không có người làm chứng. Năm 1994 ông bà cho con trai con dâu là anh Th chị Th thừa đất để sinh sống. Vợ chồng anh Th chị Th đã san lấp, phát quang hàng rào, bụi rậm, đánh các gốc tre, gốc xoan để làm vườn trồng rau và làm nhà cấp 4 trên đất. Sau đó anh chị đã phá nhà cấp 4 xây nhà 02 tầng công trình phụ khép kín. Năm 2014 anh Th chị Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích được cấp là 300m². Năm 1993 do diện tích đất ở rộng hơn qui định của địa phương, nên địa phương đã trừ đất

ruộng của ông bà vào đất ở là 221m². Ông X khởi kiện, tại UBND phường B tổ chức hòa giải thì ông và anh Th đồng ý trả ông X và ông Th mỗi người 50m² trong phần đất vườn anh Th chị Th đang quản lý sử dụng. Sau đó ông không nhất trí do ông X đòi 100m² và biên bản hòa giải thiếu thành phần. Ông X khởi kiện chia thừa kế thừa số 147 ông không nhất trí vì thửa đất là do cha ông để lại qua 6 thế hệ, con trưởng được thừa kế sử dụng, ông bà đã đứng tên từ năm 1990. Ông nhất trí chia thừa kế thừa đất số 144 anh Th và chị Th đang quản lý sử dụng sau khi đã trừ 221m² do bị trừ đất 03 ngoài đồng. Ông xác định không được chia ruộng. Ông từ chối yêu cầu tính công sức, diện tích hiện trạng của thửa 144 T so với diện tích trong giấy chứng nhận là ông và anh Th có công sức lần chiếm đất tập thể.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th trình bày: Sau khi kết hôn năm 1994, anh chị sinh sống cùng bố mẹ là ông Th và bà Th cùng bà nội là Vũ Thị L tại ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 147. Năm 2001 vợ chồng được ông Th bà Th cho ở riêng tại thửa 144. Nguồn gốc thửa đất thì anh chị không biết, anh chị cải tạo thửa đất và xây dựng nhà cấp 4 trên đất, đầu năm 2014 anh chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019 anh chị phá dỡ nhà cấp 4 và xây dựng nhà 02 tầng trên đất, diện tích xây dựng 75m²/sàn, 01 bếp cấp 4, sân, tường bao quanh thửa đất. Ông Th bà Th cho anh chị thửa đất không lập văn bản và không có ai làm chứng, anh chị không biết nguồn gốc của thửa đất đang sử dụng. Anh chị từ chối yêu cầu tính công sức. Ông X yêu cầu khởi kiện chia thừa kế thì anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tuấn Th trình bày: Ông nhất trí với quan hệ gia đình ông X trình bày. Quá trình sinh sống cụ C và cụ L có 01 thửa đất cha ông để lại hơn diện tích khoảng 300m² tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H và công trình xây dựng trên đất là 01 nhà cấp 4, bếp, vườn, chuồng chăn nuôi. Hiện nay vợ chồng ông Th bà Th đang quản lý và sử dụng thửa đất này, trên đất vẫn còn ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ để lại. Ngoài ra cụ C và cụ L còn tạo lập được 01 thửa đất tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H, anh Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị Th quản lý và sử dụng, anh Th chị Th đã xây dựng nhà kiên cố 02 tầng trên đất. Năm 1969 cụ C chết không có di chúc; Năm 1996 cụ L chết không có di chúc. Ông Th và bà Th có công sức đối với cụ C và cụ L. Ông từ chối nhận kỷ phần thừa kế và tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế cho ông Th.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh là con trai ông Th, vợ chồng anh đang sinh sống trên thửa đất 147 cùng ông Th và Th; anh chị không có tài sản gì xây dựng trên thửa đất này. Anh xác định không liên quan đến tranh chấp giữa ông X và ông Th.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị H, ông Trần Văn U, anh Trần Văn Th trình bày: Điều xác định không liên quan đến tranh chấp giữa ông X và ông Th và đều từ chối nhận kỷ phần di sản thừa kế. Ông U xác định anh N không cho ông biết địa chỉ, anh N gọi điện về cho ông thống nhất không liên quan đến việc khởi kiện của ông X và từ chối nhận di sản thừa kế.

Người làm chứng chị Hoàng Thị Th trình bày: Chị là con dâu ông Th và bà Th, chị và anh T đang sống trên đất cùng ông Th bà Th, anh chị không tạo lập, xây dựng tài sản gì trên thửa đất. Ông X khởi kiện chị không có quan điểm gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không thành nên phải đưa vụ kiện ra xét xử.

Ngày 25/01/2024 ông X và ông Th đã thỏa Th về việc ông Th trích trả ông X 50m² đất ở tại thửa 144, tờ bản đồ 17, tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông X hỗ trợ bồi Th ông Th 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) tiền tường xây và cây trồng trên đất. Hai bên đã giao nhận tiền xong, tuy nhiên do liên quan đến phần đất dôi dư và thủ tục tách thửa nên Toà án phải mở phiên toà.

Ngày 30/01/2024 Toà án đã mở phiên toà nhưng vắng mặt toàn bộ các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nên phải hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nhất trí nội dung đã thỏa Th ngày 25/01/2024. Ông không yêu cầu áp dụng về thời hiệu chia thừa kế.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn Th giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong hồ sơ và nhất trí nội dung thỏa Th ngày 25/01/2024, ông không yêu cầu áp dụng về thời hiệu.

- Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

+ *Về tố tụng:* Toà án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X, xác định thửa đất số 144, tờ bản đồ 17 tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H là di sản của cụ C và cụ L. Công nhận sự thỏa Th của các đương sự chia cho ông X 50m² đất ở tại thửa 144, tờ bản đồ 17. Phần diện tích còn lại là 250m² giao cho ông Th, anh Th chị Th. Đối với diện tích đất giao cho ai tiếp giáp, liền kề với đất dôi dư thì người đó được quản lý sử dụng nhưng đề nghị UBND phường B xử lý theo luật đất đai. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông X và ông Th theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế 02 thửa đất tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M là tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M là đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa vắng mặt một số bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Tuy nhiên, họ đã có lời khai và yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án ông Th yêu cầu giải quyết thửa đất ông X đang quản lý sử dụng, Tòa án đã yêu cầu ông làm đơn phản tố để thực hiện các thủ tục tố tụng của yêu cầu phản tố nhưng ông từ chối làm đơn yêu cầu phản tố và ông nhất trí khởi kiện ông X bằng vụ kiện dân sự khác, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2]. Về quan hệ thừa kế: Cụ Nguyễn Văn C chết năm 1969 và cụ Vũ Thị L chết năm 1996 sinh được 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị D (đã chết năm 1982), ông Nguyễn Tuấn Th, ông Nguyễn Tuấn Th và ông Nguyễn Văn X nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì bà D, ông Th, ông Th và ông X là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ L. Bà D chết năm 1982 thì các con bà D là: Chị Tâm, chị H và anh Th là thừa kế thế vị của bà D đối với phần di sản của cụ L trong trường hợp di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Chị Tâm chết thì con là Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn N là người được hưởng thừa kế.

[3]. Về di sản:

- Thửa đất số 147 tờ bản đồ 17 diện tích 360m² tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H, trước năm 1986 UBND phường B không lưu giữ tài liệu, giấy tờ liên quan đến thửa đất. Theo bản đồ 299 năm 1986 tại thửa 233, tờ bản đồ 03 diện tích 340m² đứng tên ông Nguyễn Tuấn Th kê khai trong sổ mục kê. Các đương sự đều xác định khi anh chị em đều trưởng thành lập gia đình riêng thì ông Th và bà Th ở cùng cụ L trên thửa đất, do đó ông Th đã kê khai quyền sử dụng thửa đất, mặc dù các đương sự đều xác định thửa đất có nguồn gốc là của cụ C và cụ L nhưng không có cơ sở pháp lý, do đó xác định thửa đất số 147 không phải là di sản của cụ C và cụ L để chia thừa kế. Trên đất có xây dựng 01 nhà cấp 4 và công trình phụ hiện nay ông Th và bà Th đang quản lý, các đương sự đều khai thống nhất xác định đó là tài sản chung của cụ C và cụ L tạo lập nên xác định 01 nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất là di sản của cụ C và cụ L, tuy nhiên hiện nay tài sản này đã khấu hao hết giá trị sử dụng, ông X không yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất nên Hội đồng xét xử không xét.

- Thửa đất số 144 tờ bản đồ 17 diện tích 300m² tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H tại bản đồ và sổ mục kê 299 năm 1986 đứng tên cụ C kê khai; Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2001 tại thửa 144, tờ bản đồ 17, diện tích 300m² đứng tên anh Nguyễn Văn Th, năm 2013 anh Th và chị Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự đều khai thống nhất cụ C và cụ L chết đều không có di chúc, anh Th, chị Th kê khai và đứng

tên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có văn bản phân chia thừa kế và các văn bản khác theo qui định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 144 tờ bản đồ 17 diện tích 300m² (theo bản đồ năm 2001) tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H là tài sản của cụ C và cụ L và là di sản để chia thừa kế theo pháp luật.

[4]. Về diện tích đất canh tác bị trừ: Hộ gia đình ông Th bà Th được chia 04 xuất ruộng nông nghiệp gồm: Cụ Vũ Thị L, bà Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Tuấn Th không được chia ruộng đất nông nghiệp. Cụ thể mỗi xuất được hưởng 696 m² tổng diện tích ruộng được chia là 2088m², diện tích ruộng được nhận là 1846m² diện tích ruộng được cộng Th là 21m², diện tích bị trừ đất ruộng 03 ngoài đồng là 221m² được trừ cho cả 4 xuất. Như vậy việc trừ đất canh tác ngoài đồng 01 xuất là 55,2m². Bà Th và 02 con bị trừ đất canh tác, ông Th không được chia ruộng nên không thuộc đối tượng bị trừ đất canh tác trong trường hợp được hưởng di sản thừa kế.

[5]. Về thỏa thuận chia thừa kế:

Ông Th là người được hưởng thừa kế nhưng từ chối nhận kỷ phần thừa kế và giao lại kỷ phần thừa kế cho ông Th nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện của ông Th giao kỷ phần thừa kế ông Th được hưởng cho ông Th.

Đối với bà D chết trước cụ L nên các con bà D là thừa kế thế vị, tuy nhiên các con, cháu của bà D đều từ chối nhận kỷ phần thừa kế và xác định không liên quan đến tranh chấp giữa ông X và ông Th. Như vậy chỉ có ông X và ông Th là những người định đoạt di sản thừa kế. Ngày 25/01/2024 ông X và ông Th đã thỏa Th về việc ông Th sẽ tách trả cho ông X 50m² đất ở từ thửa 144 tờ bản đồ 17 tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H. Ông X hỗ trợ bồi Th giá trị tường xây và cây trồng trên đất là 18.000.000đ, hai bên đã giao nhận tiền xong. Tại phiên toà hôm nay các bên đều giữ nguyên quan điểm như thỏa Th ngày 25/01/2024, xét việc thỏa Th của các đương sự trong vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hội đồng xét xử sẽ công nhận sự thỏa Th này của các đương sự, chia cho ông X diện tích 50m² đất ở từ thửa 144 tờ bản đồ 17 tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H tiếp giáp về phía đất của hộ gia đình ông Khúc Văn Bát. Diện tích đất còn lại là 250m² là của ông Th, anh Th và chị Th.

Đối với tường xây và cây trồng trên đất giao cho ông X do các bên đã thỏa Th xong nên hội đồng xét xử không giải quyết. Giá trị đất tranh chấp được hội đồng định giá định giá là 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*)/m².

[6]. Về diện tích đất dôi dư: Tại bản đồ và sổ mục kê năm 2001 thì thửa 144 tờ bản đồ 17 có diện tích 300m², theo bản đồ năm 2018 và hiện trạng thì diện tích T lên 21,9m² nguyên nhân quá trình sử dụng ông Th, anh Th và chị Th đã lấn ra rãnh thoát nước của địa phương thuộc đất công. Vì vậy diện tích đất của ai được chia nằm tiếp giáp liền kề với phần diện tích đất dôi dư (thuộc đất công) sẽ được sử dụng phân đất dôi dư, nhưng giao cho UBND phường B xử lý theo luật đất đai.

[7]. Về số tiền án phí và chi phí tố tụng: Ông X, ông Th đều có đơn xin miễn án phí với lý do người già, tuổi cao có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử sẽ miễn án phí cho ông X, ông Th theo quy định.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản do ông X tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 636, 637, 638 Bộ luật dân sự năm 1995. Điều 149, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 651, 652, và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 76 Luật đất đai năm 1993. Điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, xác nhận thửa đất số 144, tờ bản đồ số 17, diện tích 300m²(theo bản đồ 2001) tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn C và cụ Vũ Thị L để lại và phân chia như sau:

Ông Nguyễn Văn X được quản lý, sử dụng diện tích đất ở 50m² theo hình ABCD (có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Tuấn Th, anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Th được quản lý, sử dụng diện tích đất 250m² theo hình DEFGHC (có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Tuấn Th không phải thanh toán trả giá trị di sản cho các thừa kế khác.

Tài sản là nhà ở, công trình xây dựng, cây cối, hoa màu trên đất của ai được chia thì người đó được hưởng, không bên nào phải thanh toán trả cho nhau hoặc trả cho đương sự khác giá trị tài sản trên đất.

2. Diện tích đất dôi dư 21,9m² không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 144, tờ bản đồ tờ bản đồ 17, tại tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H nếu tiếp giáp, liền kề với phần diện tích đất của ai được chia thì người đó được sử dụng nhưng giao UBND phường B xử lý theo luật đất đai.

Các đương sự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Tuấn Th.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện theo uỷ quyền;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tân Huyền

